

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
 Mã số thuế: 0309532497
 Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 01 - DN
 (Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2020	Số đầu năm 01/1/2020
I	2	3	5	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		372.312.067.798	360.341.724.633
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	145.796.919.832	162.134.598.922
1.Tiền	111		19.811.336.106	27.994.598.922
2.Các khoản tương đương tiền	112		125.985.583.726	134.140.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	30.000.000.000	30.000.000.000
1.Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.000.000.000	30.000.000.000
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.831.799.224	155.128.809.152
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	141.874.333.096	109.360.755.496
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	35.698.911.596	37.425.106.488
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	10.623.767.408	11.708.160.044
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(3.365.212.876)	(3.365.212.876)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.Hàng tồn kho	140		2.321.309.425	2.461.050.624
1.Hàng tồn kho	141	V.7	2.321.309.425	2.461.050.624
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		9.362.039.317	10.617.265.935
1.Chỉ phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	9.089.950.330	10.104.875.772
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		259.431.346	499.732.522
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	12.657.641	12.657.641
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		250.039.028.568	265.989.802.621
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.Phải thu dài hạn khác	216		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2020	Số đầu năm 01/1/2020
1	2	3	5	5
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		237.526.017.222	245.549.272.583
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	232.761.498.285	240.306.439.666
- Nguyên giá	222		673.509.854.604	664.414.081.877
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(440.748.356.319)	(424.107.642.211)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.764.518.937	5.242.832.917
- Nguyên giá	228		9.315.401.930	9.315.401.930
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.550.882.993)	(4.072.569.013)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.730.407.756	14.137.222.772
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	5.730.407.756	14.137.222.772
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13		
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ dài ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác			6.782.603.590	6.303.307.266
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.879.353.892	5.400.057.568
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	903.249.698	903.249.698
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		622.351.096.366	626.331.527.254
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2020	Số đầu năm 01/1/2020
1	2	3	5	5
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		245.668.654.397	266.892.225.890
I. Nợ ngắn hạn	310		150.723.173.580	167.919.273.716
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	60.011.563.835	58.902.793.307
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		665.182.596	224.807.677
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.227.082.194	9.658.788.340
4. Phải trả người lao động	314		22.260.026.635	36.021.959.857
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.262.471.869	4.883.929.868
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		909.344.727	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	15.368.165.245	12.226.698.958
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	32.965.751.807	35.442.370.368
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4.053.584.672	10.557.925.341

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2020	Số đầu năm 01/1/2020
I	2	3	5	5
13.Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.Nợ dài hạn	330		94.945.480.817	98.972.952.174
1.Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	8.621.612.981	8.621.612.981
8.Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	86.323.867.836	90.351.339.193
9.Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		376.682.441.969	359.439.301.364
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.19	376.682.441.969	359.439.301.364
1.Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	149.982.580.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4.Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5.Cổ phiếu quỹ	415			
6.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8.Quỹ đầu tư phát triển	418		35.862.743.137	53.789.799.813
9.Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		111.955.293.464	127.806.161.695
a.LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		98.014.391.855	127.806.161.695
b.LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.940.901.609	
12.Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13.Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		28.954.205.368	27.860.759.856
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1.Nguồn kinh phí	432			
2.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		622.351.096.366	626.331.527.254

Ngày 28 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CTY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Mã số thuế : 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-B
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài c.**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý I Năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2020		Quý I/2019		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			4	3	5	Năm nay	Năm trước	
1	2	3						
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	185.373.970.022	185.373.970.022	155.684.014.578	185.373.970.022	155.684.014.578	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		185.373.970.022	185.373.970.022	155.684.014.578	185.373.970.022	155.684.014.578	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	146.046.421.921	146.046.421.921	123.513.391.512	146.046.421.921	123.513.391.512	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		39.327.548.101	39.327.548.101	32.170.623.066	39.327.548.101	32.170.623.066	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.397.759.541	1.397.759.541	908.201.134	1.397.759.541	908.201.134	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.077.785.804	2.077.785.804	2.630.154.120	2.077.785.804	2.630.154.120	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.053.794.393	2.053.794.393	2.629.831.080	2.053.794.393	2.629.831.080	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết								
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.294.769.525	2.294.769.525	1.490.782.168	2.294.769.525	1.490.782.168	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.115.225.348	9.115.225.348	11.545.073.878	9.115.225.348	11.545.073.878	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		27.237.526.965	27.237.526.965	17.412.814.034	27.237.526.965	17.412.814.034	
12. Thu nhập khác	31	VI.7	61.127.358	61.127.358	212.220.826	61.127.358	212.220.826	
13. Chi phí khác	32	VI.8	207.431.902	207.431.902	241.126.015	207.431.902	241.126.015	
14. Lợi nhuận khác: (40 = 31 - 32)	40		(146.304.544)	(146.304.544)	(28.905.189)	(146.304.544)	(28.905.189)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: (50 = 30 +40)	50		27.091.222.421	27.091.222.421	17.383.908.845	27.091.222.421	17.383.908.845	

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2020		Quý 1/2019		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			4	5	Năm nay	Năm trước		
1	2	3						
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.453.822.485	3.476.754.505	5.453.822.485	3.476.754.505		
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	-	-	-	-		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 60 = 50 - 51-52)	60		21.637.399.936	13.907.154.340	21.637.399.936	13.907.154.340		
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ	61		20.434.119.344	13.180.211.967	20.434.119.344	13.180.211.967		
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.203.280.592	726.942.372	1.203.280.592	726.942.372		
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	802	173	802	173		
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.10	802	173	802	173		

Ngày 28 tháng 04 năm 2020

Giám đốc

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên



Trần Quang Thảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Quý 1/2020	Quý 1/2019
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	27.091.222.421	17.383.908.845
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	17.119.028.088	17.986.351.677
-	Các khoản dự phòng	03	-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(47.437.363)	273.520
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.325.435.354)	(903.072.184)
-	Chi phí lãi vay	06	2.053.794.393	2.629.831.080
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	44.891.172.185	37.097.292.938
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(30.369.880.350)	7.399.584.832
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	139.741.199	540.041.854
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(8.065.681.956)	(25.688.746.688)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	535.629.118	(3.433.651.394)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(1.691.257.012)	(2.110.997.348)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.087.494.710)	(1.520.720.282)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	30.000.000	25.000.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.928.600.000)	(2.517.773.248)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.546.371.526)	9.790.030.664
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(907.000.000)	(2.351.735.255)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.663.314.812	1.528.124.240
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.756.314.812	(823.611.015)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn	31	-	-

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Quý 1/2020	Quý 1/2019
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.849.410.392	(15.435.575.776)
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11.353.500.310)	
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(114.617.400)	(50.284.545)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.618.707.318)	(15.485.860.321)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(16.408.764.032)	(6.519.440.672)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	162.134.598.922	142.552.118.272
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	71.084.942	(273.520)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	145.796.919.832	136.032.404.080

Ngày 28 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Cẩm Trang



Nguyễn Thị Hồng Liên




Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,5%	57,5%	57,5%	57,5%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51%	51%	51%	51%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty và công ty con có 646 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 619 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty và công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và các công ty con và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền/ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty và các công ty con chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty và các công ty con là chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty và các công ty con) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty và các công ty con ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty và các công ty con hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty và các công ty con phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty và các công ty con đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và các công ty con đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	596.463.916	2.219.734.696
Tiền gửi ngân hàng	19.214.872.190	25.774.864.226
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	125.985.583.726	134.140.000.000
Cộng	<u>145.796.919.832</u>	<u>162.134.598.922</u>

Trong đó khoản tương đương tiền 4.140.000.000 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực theo hợp đồng số 51606.19.154.1317222 ngày 16 tháng 12 năm 2019 (xem thuyết minh V.17b).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Nhóm Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về khoản đầu tư tài chính của Nhóm Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>-</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>72.367.620.909</i>	<i>48.167.760.670</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	62.732.814.377	41.106.071.270
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	145.931.200	258.516.050
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.891.851.000	2.365.550.100
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	113.837.332	37.481.250
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	1.870.000	990.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	7.340.187.000	4.335.132.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh	141.130.000	64.020.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>69.506.712.187</i>	<i>61.192.994.826</i>
Cộng	<u>141.874.333.096</u>	<u>109.360.755.496</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Công ty TNHH Hiệp Lực	25.332.841.580		27.021.024.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng T.C.O.N.S	9.572.000.000		9.572.000.000	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường Cao tốc Việt Nam	297.805.464		-	
Các nhà cung cấp khác	496.264.552		832.082.488	
Cộng	35.698.911.596		37.425.106.488	

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>627.095.507</i>		<i>657.717.600</i>	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Tiền ăn ca, phí làm hàng	519.783.507		638.860.600	
Các khoản chi hộ:			18.857.000	
<i>Công ty CP Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái</i>	<i>88.455.000</i>		<i>-</i>	
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i>	<i>18.857.000</i>		<i>18.857.000</i>	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân</i>	<i>9.885.762.272</i>		<i>11.050.442.444</i>	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn			1.337.879.458	
Ký cược, ký quỹ	395.300.000		445.300.000	
Tạm ứng	5.638.969.118		7.101.815.803	
Các khoản chi hộ	2.127.891.172		1.303.642.335	
Truy thu Quyết toán thuế TNCN	733.945.201			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	452.71.410		861.804.848	
Cộng	10.623.767.408		11.708.160.044	

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Quá hạn dưới 1 năm</i>				
Công ty TNHH Instant Transportation Việt Nam	4.510.000	3.157.000	4.510.000	3.157.000
Công ty TNHH Thông Quan	463.320.000	324.324.000	463.320.000	324.324.000
<i>Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm</i>				
Công ty TNHH TM DV Hải Lưu	516.997.000	258.498.500	516.997.000	258.498.500
Công ty TNHH Instant Transportation Việt Nam	130.895.662	65.447.831	130.895.662	65.447.831
Công ty TNHH TM&DV Giao nhận Vận tải Haco	460.527.000	230.263.500	460.527.000	230.263.500
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn cầu LVL	39.270.000	19.635.000	39.270.000	19.635.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thông Quan	460.620.000	230.310.000	460.620.000	230.310.000
Công ty TNHH TMDV Thái Thành Đạt	176.460.000	88.230.000	176.460.000	88.230.000
Công ty TNHH Vận tải Giao nhận PT	73.835.000	36.917.500	73.835.000	36.917.500
Các khách hàng khác	70.620.000	28.248.000	70.620.000	28.248.000
Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm				
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	2.267.425.000	680.227.500	2.267.425.000	680.227.500
Công ty Cổ phần Lime Logistics	151.040.000	45.312.000	151.040.000	45.312.000
Công ty TNHH Liên kết Vận tải Quốc tế Saigon Group	151.000.000	45.300.000	151.000.000	45.300.000
Công ty TNHH SX TMDV XNK Phương Nam	63.966.487	19.189.946	63.966.487	19.189.946
Quá hạn trên 3 năm				
Công ty TNHH Asian Groupage Services VN	129.156.004	-	129.156.004	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Long Đại Phát	73.078.500	-	73.078.500	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tâm Cảng	116.032.000	-	116.032.000	-
Các khách hàng khác	152.535.000	61.014.000	152.535.000	61.014.000
Cộng	5.501.287.653	2.136.074.777	5.501.287.653	2.136.074.777

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	3.365.212.876	1.567.838.803
Trích lập dự phòng bổ sung		1.681.342.073
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Tăng do công ty liên kết chuyển thành công ty con		116.032.000
Số cuối năm	3.365.212.876	3.365.212.876

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.321.309.425	-	2.461.050.624	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	977.518.249	936.832.990

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	1.686.300.595	1.556.568.790
Chi phí bảo hiểm	3.136.267.361	4.637.019.721
Chi phí vé cầu đường	183.407.571	132.486.811
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.106.456.554	2.841.967.460
Cộng	9.089.950.330	10.104.875.772

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	3.186.954.013	2.709.842.072
Chi phí sửa chữa	2.358.735.037	1.573.534.103
Các chi phí trả trước dài hạn khác	333.664.842	1.116.681.393
Cộng	5.879.353.892	5.400.057.568

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	138.009.475.511	256.827.160.350	217.341.561.869	4.808.658.470	47.427.225.677	664.414.081.877
Số đầu năm			700.000.000		207.000.000	907.000.000
Mua trong năm			8.188.772.727			8.188.772.727
Đầu tư XD/CB hoàn thành						
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con						
Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối năm	138.009.475.511	256.827.160.350	226.230.334.596	4.808.658.470	47.634.225.677	673.509.854.604
<i>Trong đó:</i>						
<i>Dã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.307.293.635	74.178.172.767	8.673.393.544	4.632.113.015	13.706.096.312	102.497.069.273
<i>Chờ thanh lý</i>						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	60.856.967.800	169.043.532.349	154.155.355.740	4.738.788.373	35.312.997.949	424.107.642.211
Khấu hao trong năm	2.532.762.088	5.582.353.144	7.229.866.959	11.032.122	1.284.699.795	16.640.714.108
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con						
Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối năm	63.389.729.888	174.625.885.493	161.385.222.699	4.749.820.495	36.597.697.744	440.748.356.319
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	77.152.507.711	87.783.628.001	63.186.206.129	69.870.097	12.114.227.728	240.306.439.666
Số cuối năm	74.619.745.623	82.201.274.857	64.845.111.897	58.837.975	11.036.527.933	232.761.498.285
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng, chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 171.651.215.154 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	9.315.401.930	(4.072.569.013)	5.242.832.917
Tăng do mua sắm trong năm		-	
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con			
Khấu hao trong kỳ		(478.313.980)	(478.313.980)
Số cuối năm	9.315.401.930	(4.550.882.993)	4.764.518.937

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 242.395.000 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	10.799.558.727		(8.188.772.727)	2.610.786.000
Xây dựng cơ bản dở dang	3.337.664.045			3.119.621.756
Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái	2.398.465.181		-	2.398.465.181
Công trình kho 6	939.198.864		-	939.198.864
Điều chỉnh giảm phí tư vấn khung kèo kho 2 tầng GD1		(218.042.289)		(218.042.289)
Cộng	14.137.222.772	(218.042.289)	(8.188.772.727)	5.730.407.756

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	903.249.698	1.068.702.955
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh		(165.453.257)
Phát sinh trong năm		903.249.698
Hoàn nhập trong năm		(1.068.702.955)
Số cuối năm	903.249.698	903.249.698

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>24.730.446.155</i>	<i>16.235.635.864</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	19.932.227.688	9.772.288.392
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.326.999.511	1.908.705.366
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	997.556.150	1.068.069.210
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC		76.250.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	31.490.613	56.868.669
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	331.672.000	262.409.400
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Phước	3.232.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	896.806.850	1.086.160.350
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng		719.681.650
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước		56.222.100
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	131.912.000	121.730.950
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	2.750.550	2.310.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương		604.065.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung		22.608.300
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	75.798.793	478.266.477
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>35.281.117.680</i>	<i>42.667.157.443</i>
Cộng	60.011.563.835	58.902.793.307

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.535.742.140	-	9.607.437.807	9.129.077.608	3.014.102.339	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.258.340.521	-	5.453.822.485	4.337.920.421	5.374.242.585	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho bên liên doanh	1.749.574.289	-	212.309.758	1.749.574.289	212.309.758	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.058.886.616	-	3.236.450.137	3.668.909.241	626.427.512	-
Các loại thuế khác	56.244.774	-	8.000.000	64.244.774		-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		- 12.657.641				- 12.657.641
Cộng	9.658.788.340	12.657.641	18.518.020.187	18.949.726.333	9.227.082.194	12.657.641

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và các công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	2.356.638.412	2.258.626.928
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước	1.917.560.605	2.258.626.928
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	231.350.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	6.440.000	-
Công ty Cổ phần DV Container Tân Cảng – Phí sửa chữa, vệ sinh cont rỗng tại Depot TCST	201.287.807	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.905.833.457	2.625.302.940
Chi phí lãi vay phải trả	89.977.064	97.267.241
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	635.948.715	253.801.876
Chi phí cho người lao động	485.886.234	1.010.826.402
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.694.021.444	1.263.407.421
Cộng	5.262.471.869	4.883.929.868

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.495.418.531	3.513.010.500
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	4.362.249.531	3.513.010.500
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương – Cước vận chuyển, nâng hạ	83.169.000	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	10.872.746.714	8.713.688.458
Kinh phí công đoàn	1.003.291.464	1.072.581.317
Bảo hiểm xã hội	2.879.358.611	1.577.820.034
Bảo hiểm y tế	287.260.959	102.478.025

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.248.143.906	1.752.900.991
Tiền hoa hồng môi giới		55.050.487
Cổ tức phải trả	1.526.677.028	1.932.674.950
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.928.014.746	2.220.182.654
Cộng	<u>15.368.165.245</u>	<u>12.226.698.958</u>

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>8.621.612.981</u>	<u>8.621.612.981</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - vốn góp hợp tác kinh doanh (*)	8.621.612.981	8.621.612.981
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược	-	-
Cộng	<u>8.621.612.981</u>	<u>8.621.612.981</u>

(*) Là khoản hợp tác đầu tư tại Công ty con phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Tân Cảng (là bên liên quan) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh "Về việc hợp tác mua Cầu khung để cho thuê" ngày 09 tháng 6 năm 2015, thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm. Tỷ lệ vốn góp của Công ty con là 40%, lợi nhuận hàng tháng sẽ được xác định sau khi được hạch toán tất cả các phí quản lý liên quan đến vận hành cầu và chi phí trả lãi và gốc trên vốn vay ngân hàng cũng như hoàn tất cả các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước, lợi nhuận còn lại sẽ được chia đều theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

Là các khoản vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả tại NH TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (xem thuyết minh V.17b)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽¹⁾	32.965.751.807	35.442.370.368
Cộng	<u>32.965.751.807</u>	<u>35.442.370.368</u>

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽¹⁾	86.323.867.836	90.351.339.193
Cộng	<u>86.323.867.836</u>	<u>90.351.339.193</u>

⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú bao gồm:

- Các khoản vay dài hạn tại Công ty mẹ theo các hợp đồng vay trong năm 2014, 2015, 2016, 2017 để xây dựng tòa nhà văn phòng, xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái, mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 5 năm đến 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất thả

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nổi, biến động từ 9%/năm đến 9,5%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ khoản vay và Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHD ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

- Các khoản vay dài hạn tại Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái theo các hợp đồng vay trong năm 2013, 2014, 2015 để mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 54 tháng đến 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất thả nổi, biến động trong năm từ 8%/năm đến 9,2%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay dài hạn tại Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực theo hai hợp đồng :

Khoản vay theo hợp đồng số 53698.19.154.13172222 ngày 09 tháng 12 năm 2019 để bổ sung vốn thanh toán tiền mua 2 đầu kéo Mỹ nhãn hiệu International, hạn mức vay là 1.236.000.000 VND, số đã giải ngân 1.236.000.000 VND. Thời gian cấp hạn mức 3 tháng kể từ ngày ngày 05 tháng 12 năm 2019. Thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất các khoản vay được quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay theo hợp đồng số 51606.19.154.13172222 ngày 16 tháng 12 năm 2019 để bổ sung vốn thanh toán tiền mua 1 Cầu gấp Container hiệu Kalmar, hạn mức vay là 4.830.000.000 VND, số đã giải ngân 4.140.000.000 VND. Thời gian cấp hạn mức 3 tháng kể từ ngày ngày 26 tháng 11 năm 2019. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất các khoản vay được quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 32041.19.154.1317222.TG.DN, 32042.19.154.1317222.TG.DN, 32043.19.154.1317222.TG.DN và tài sản hình thành từ vốn vay.

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	32.965.751.807	35.442.370.368
Trên 1 năm đến 5 năm	78.249.203.992	82.276.675.349
Trên 5 năm	8.074.663.844	8.074.663.844
Cộng	<u>119.289.619.643</u>	<u>125.793.709.561</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	90.351.339.193	124.082.110.634
Số tiền vay đã trả		(8.559.290.360)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(4.027.471.357)	(29.315.731.081)
Tăng/ giảm do chuyển công ty con thành công ty liên kết		4.144.250.000
Số cuối năm	<u>86.323.867.836</u>	<u>90.351.339.193</u>

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty và các công ty con không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	3.457.199.625	6.418.772.716	681.953.000	10.557.925.341
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.049.479.202	3.294.780.129	50.000.000	4.394.259.331
Tăng khác	30.000.000	-	-	30.000.000
Chi quỹ trong năm	(2.715.600.000)	(8.213.000.000)	-	(10.928.600.000)
Số cuối năm	1.821.078.827	1.500.552.845	731.953.000	4.053.584.672

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.982.580.000	46.936.196.938	121.628.021.537	21.970.635.305	340.517.433.780
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	65.260.207.279	3.332.634.029	68.592.841.308
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ	-	6.402.717.095	(27.816.922.312)		(21.414.205.217)
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	450.885.780	(1.268.628.809)	(418.263.403)	(1.236.006.432)
Chia cổ tức	-	-	(29.996.516.000)	(2.550.000.000)	(32.546.516.000)
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	-	-	-	5.525.753.925	5.525.753.925
Số dư cuối năm trước	149.982.580.000	53.789.799.813	127.806.161.695	27.860.759.856	359.439.301.364
Số dư đầu năm nay	149.982.580.000	53.789.799.813	127.806.161.695	27.860.759.856	359.439.301.364
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	29.990.190.000	-	(29.990.190.000)		
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần	19.937.430.000	(19.937.430.000)			
Lợi nhuận trong kỳ			20.434.119.344	1.203.280.592	21.637.399.936
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ		1.890.522.921	(6.026.346.770)		(4.135.823.849)
Trích lập các quỹ tại Công ty con		119.850.403	(268.450.805)	(109.835.080)	(258.435.482)
Số dư cuối kỳ	199.910.200.000	35.862.743.137	111.955.293.464	28.954.205.368	376.682.441.969

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên	117.970.500.000	88.500.000.000
Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Các cổ đông khác	81.939.700.000	61.482.580.000
Cộng	199.910.200.000	149.982.580.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	14.998.258

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2019:

	VND
• Chia cổ tức bằng cổ phiếu	: 29.990.190.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	: 1.890.471.158
• Trích quỹ khen thưởng	: 945.235.580
• Trích quỹ phúc lợi	: 3.190.562.388

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	223.703,25	193.523,83

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 1/2020	Quý 1/2019
Doanh thu cung cấp dịch vụ	185.373.970.022	155.684.014.578
Cộng	185.373.970.022	155.684.014.578

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty và các công ty con còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	63.743.186.946	65.435.578.967
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần		600.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	1.700.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	8.500.000	
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	132.116.364	238.423.954
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	6.030.522.727	1.075.863.637
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.719.864.545	1.541.296.363
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Long Bình		700.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng		800.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	203.346.922	34.128.409
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước		30.150.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	128.300.000	168.418.182
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu		33.850.000
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	146.046.421.921	123.513.391.512
Cộng	<u>146.046.421.921</u>	<u>123.513.391.512</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.325.435.354	908.190.664
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	895.413	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	71.428.774	10.470
Cộng	<u>1.397.759.541</u>	<u>908.201.134</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Chi phí lãi vay	2.053.794.393	2.629.831.080
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		49.520
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23.991.411	273.520
Cộng	<u>2.077.785.804</u>	<u>2.630.154.120</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.441.481.559	554.597.605
Các chi phí khác	853.287.966	936.184.563
Cộng	<u>2.294.769.525</u>	<u>1.490.782.168</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Chi phí cho nhân viên	4.065.286.352	3.731.384.992
Chi phí vật liệu quản lý	188.187.848	186.823.623
Chi phí đồ dùng văn phòng	385.800.489	275.208.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	321.433.302	381.698.666
Thuế, phí và lệ phí	25.536.542	20.479.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.118.367.089	1.796.940.615
Các chi phí khác	3.010.613.726	5.152.537.644
Cộng	<u>9.115.225.348</u>	<u>11.545.073.878</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Thu nhập từ tiền bồi thường		144.816.422
Thu nộp phạt tiền nhiên liệu vượt định mức	32.895.853	63.925.893
Thu nhập khác	28.231.505	3.478.511
Cộng	<u>61.127.358</u>	<u>212.220.826</u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Chi phí bồi thường tổn thất	52.656.390	123.710.720
Thuợng tiền nhiên liệu tiết kiệm so với định mức	75.124.783	82.568.419
Thuế bị phạt, bị truy thu	50.463.107	
Chi phí khác	29.187.622	34.846.876
Cộng	<u>207.431.902</u>	<u>241.126.015</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: không phát sinh**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.434.119.344	13.180.211.967
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ Ban điều hành</i>	<i>(4.394.259.331)</i>	<i>(10.582.640.390)</i>
<i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	16.039.860.013	2.597.571.577
Số lượng bình quân giả quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	19.991.020	14.998.258
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>802</u>	<u>173</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.373.316.271	12.887.660.632
Chi phí nhân công	45.020.685.118	33.291.621.020
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.259.251.087	16.600.017.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.570.599.682	61.442.831.316
Chi phí khác	10.991.610.717	12.327.116.681
Cộng	<u>161.215.462.875</u>	<u>136.549.247.558</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty và các công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và các công ty con không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và các công ty con không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Tiền lương	372.204.815	466.951.772
Tiền thưởng		172.578.137
Cộng	<u>372.204.815</u>	<u>639.529.909</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty và các công ty con gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty con (trong năm 2019 là công ty liên kết)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần
 Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng
 Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng
 Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép
 Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng
 Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng
 Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung
 Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình
 Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước
 Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng
 Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép
 Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC
 Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng
 Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng
 Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng
 Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng
 Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai
 Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước
 Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu
 Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng
 Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương
 Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh
 Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng
 Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng

Mối quan hệ

Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn
 Công ty cùng Tập đoàn

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 28 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo